

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4 năm 2018

NINH BÌNH, THÁNG 01 NĂM 2019

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.074.623.953	103.451.325.735
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.846.649.353	22.858.772.589
1. Tiền	111		1.846.649.353	13.358.772.589
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	9.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	24.500.000.000	32.500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24.500.000.000	32.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.620.683.644	39.102.820.452
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	165.543.710	1.629.827.310
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	32.149.930.261	32.224.014.839
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	5.910.239.668	8.611.787.798
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(897.567.513)	(3.655.347.013)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6	292.537.518	292.537.518
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	9.154.460.830	8.828.847.591
1. Hàng tồn kho	141		9.154.460.830	8.828.847.591
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		952.830.126	160.885.103
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	750.586.230	160.885.103
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		202.243.896	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		802.241.221.742	811.971.470.292
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		475.111.067.803	495.656.702.558
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9	475.097.601.170	495.635.235.921
- Nguyên giá	222		602.186.637.305	600.834.842.403
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(127.089.036.135)	(105.199.606.482)
2. TSCĐ vô hình	227	V.10	13.466.633	21.466.637
- Nguyên giá	228		597.722.270	597.722.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(584.255.637)	(576.255.633)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	32.088.822.606	32.088.822.606
- Nguyên giá	231		32.088.822.606	32.088.822.606
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		255.052.091.107	242.586.391.616
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	255.052.091.107	242.586.391.616
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3	2.151.551.038	2.212.089.281
1. Đầu tư vào công ty con	251		200.000.000	200.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.800.000.000	4.800.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.848.448.962)	(2.787.910.719)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		37.837.689.188	39.427.464.231
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	37.837.689.188	39.427.464.231
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		881.315.845.695	915.422.796.027

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		99.677.431.017	116.217.446.690
I. Nợ ngắn hạn	310		15.910.133.222	29.375.668.669
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	3.333.002.102	5.719.269.307
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	242.585.800	153.750.800
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	922.510.373	2.152.312.520
4. Phải trả người lao động	314		1.754.479.453	3.001.057.196
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	182.954.547	270.454.547
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	9.474.600.947	18.078.824.299
II. Nợ dài hạn	330		83.767.297.795	86.841.778.021
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		83.767.297.795	86.841.778.021
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		781.638.414.678	799.205.349.337
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	781.638.414.678	799.205.349.337
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		891.236.000.000	891.236.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		891.236.000.000	891.236.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(109.597.585.322)	(92.030.650.663)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(92.030.650.663)	(92.030.650.663)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(17.566.934.659)	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		881.315.845.695	915.422.796.027

Ninh Bình, ngày 18 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Người lập biểu



Phan Thị Liên

Kế toán trưởng



Trịnh Văn Việt



Đào Phong Trúc Đại

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KÊ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	12.488.356.325	16.925.614.162	45.988.296.457	57.529.787.328
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2				207.272.727	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		12.488.356.325	16.925.614.162	45.781.023.730	57.529.787.328
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	14.904.868.744	18.951.361.077	55.947.080.346	57.292.575.917
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		(2.416.512.419)	(2.025.746.915)	(10.166.056.616)	237.211.411
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	772.290.252	996.558.865	2.026.649.549	2.142.822.556
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	30.831.111		91.369.354	2.096.288.081
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	400.987.406	916.290.013	1.885.221.105	2.991.100.951
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	3.133.195.036	2.843.314.695	7.170.518.632	10.309.470.586
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26)}	30		(5.209.235.720)	(4.788.792.758)	(17.286.516.158)	(13.016.825.651)
12. Thu nhập khác	31	VI.5	5.330.636	195.906.051	129.833.692	314.443.715
13. Chi phí khác	32	VI.6	92.120.776	146.799.233	410.252.193	725.593.404
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(86.790.140)	49.106.818	(280.418.501)	(411.149.689)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(5.296.025.860)	(4.739.685.940)	(17.566.934.659)	(13.427.975.340)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9				231.121.989
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		(5.296.025.860)	(4.739.685.940)	(17.566.934.659)	(13.659.097.329)
19. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61					
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62					
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	(59)	(53)	(197)	(153)

Ninh Bình ngày 18 tháng 01 năm 2019

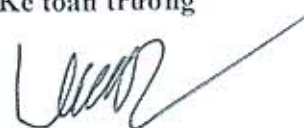
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Người lập biểu



Phan Thị Liên

Kế toán trưởng



Trịnh Văn Việt



Mẫu B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 năm 2018

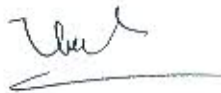
Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
				Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		(17.566.934.659)	(13.427.975.440)
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao TSCĐ	02		21.695.709.613	22.711.409.844
-	Các khoản dự phòng	03		60.538.243	2.096.288.081
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.026.649.549)	(2.134.944.990)
-	Chi phí lãi vay	06		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.162.663.648	9.244.777.495
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.279.892.912	(78.767.507)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(325.613.239)	(1.400.350.510)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(16.549.841.639)	255.125.132
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.000.073.916	2.405.488.407
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(12.432.824.402)	10.426.273.017
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(13.605.948.383)	(429.423.772)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		8.000.000.000	(32.500.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.026.649.549	1.256.950.546
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.579.298.834)	(31.672.473.226)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(16.012.123.236)	(21.246.200.209)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.858.772.589	44.104.972.798
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	6.846.649.353	22.858.772.589

Ninh Bình, ngày 18 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PV-INCONESS

Người lập biểu



Phan Thị Liên

Kế toán trưởng



Trịnh Văn Việt

Tổng Giám đốc



Đào Phong Trúc Đại

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư PV-INCONESS (sau đây gọi tắt là "Công ty") tên viết tắt là PV-INCONESS., CORP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102294528, chứng nhận lần đầu ngày 15/6/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 10 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 12/04/2018 thì Vốn Điều lệ của Công ty là **891.236.000.000 đồng** (*Tám trăm chín mươi một tỷ, hai trăm ba mươi sáu triệu đồng chẵn./.*)

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh sân Golf và các dịch vụ sân Golf.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động của các cơ sở thể thao, chi tiết:
- + Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời;
- + Sân Golf; Dịch vụ sân golf đạt tiêu chuẩn quốc tế;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết:
- + Khách sạn;
- + Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội nghị, đám cưới,...);
- Cho thuê xe có động cơ; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
(Đối với các ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Trụ sở công ty tại: Thôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách công ty con: Công ty chỉ đầu tư vào Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Kinh doanh thương mại Khánh Dương, quyền biểu quyết, tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ tại công ty này là 100%. Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Kinh doanh thương mại Khánh Dương đang làm thủ tục giải thể theo Quyết định số 06-2/2013/QĐ-HĐQT ngày 20/5/2013 của Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty CP Đầu tư PV-INCONESS.
- Danh sách công ty liên kết: Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Đồng Thái có trụ sở tại Thôn 4B, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết này là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng. Tại ngày 31/12/2018, tỷ lệ quyền biểu quyết, tỷ lệ vốn góp, tỷ lệ phần sở hữu của Công ty tại công ty này là 48%.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ thuế tài chính và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc.

*Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn công ty liên kết**Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty con của Công ty là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Kinh doanh Thương mại Khánh Dương được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

